

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐR
TỈNH LÂM ĐỒNG**
Bản án số: 38/2023/HSST
Ngày: 16/8/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----oOo-----

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐR
TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Hoàng Rung K’Nhon

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

+ bà: K’ Nga

+ bà: Siu H’Bing

- **Thư ký ghi biên bản phiên tòa :** Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt –Thư ký Tòa án

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR tham gia phiên tòa:** ông **Trương Văn Dương** – Kiểm sát viên.

Vào hồi 08 giờ 30 phút, ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại phòng xử án. Tòa án nhân dân huyện Đam Rông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 32/2023/HSST ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37 ngày 29 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Thị C; Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày 18 tháng 02 năm 1977 tại Hà Nội. Nơi ĐKKHKT: Xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Chỗ ở: Thôn Đồng Tâm, xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 4/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Nguyễn Hữu Dịch, sinh năm (không rõ). Họ tên mẹ: Đoàn Thị Chúc, sinh năm (không rõ). Chị em ruột: Có 04 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1985. Họ tên chồng: Trần Văn Thắng, sinh năm 1971. Con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 1999. Hiện chồng và các con hiện đang sinh sống tại xã Phi Liêng, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng. Tiền án, tiền sự: (không). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ-Công an huyện Đam Rông. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Kator S; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại Ninh Thuận. Nơi ĐKKHKT: Xã Phước T, huyện Bác Á, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở: Thôn Đồng T, xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ra Glai; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Kator Ph, sinh năm 1968. Họ tên mẹ: Kator Thị X, sinh năm 1971. Anh em ruột: Có 05 người, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2006, bị cáo là con thứ hai trong gia đình. Họ tên vợ: Pinăng Thị T, sinh năm 1991. Hiện cha, mẹ, vợ đang sinh sống tại

xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Con: (chưa có). Tiền án, tiền sự: (không). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ-Công an huyện ĐR. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Pinăng Đ; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày 01 tháng 4 năm 1999 tại Ninh Thuận. Nơi ĐKHKTT: Xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở: Thôn Đồng T, xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 3/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ra Glai; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Pinăng Q, sinh năm 1977. Họ tên mẹ: Pinăng Thị B, sinh năm 1980. Anh em ruột: Có 05 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện cha, mẹ đang sinh sống tại xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Vợ, con: (chưa có). Tiền án, tiền sự: (không). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ-Công an huyện ĐR. Bị cáo có mặt

4. Họ và tên: Pinăng H; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1993 tại Ninh Thuận. Nơi ĐKHKTT: Xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở: Thôn Đồng T, xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ra Glai; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Pinăng L (đã chết). Họ tên mẹ: Pinăng Thị P, sinh năm 1973. Anh em ruột: Có 02 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 1996. Hiện cha, mẹ đang sinh sống tại xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Vợ, con: (chưa có). Tiền án, tiền sự: (không). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ-Công an huyện ĐR. Bị cáo có mặt.

5. Họ và tên: Pinăng V; Giới tính: Nam. Tên gọi khác: (không). Sinh ngày 16 tháng 12 năm 2005 tại Ninh Thuận. Nơi ĐKHKTT: Xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Chỗ ở: Thôn Đồng T, xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Làm nông. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ra Glai; Tôn giáo: (không). Họ tên cha: Pinăng N, sinh năm 1983. Họ tên mẹ: Pinăng Thị H, sinh năm 1980. Anh em ruột: Có 03 người, lớn nhất là bị cáo, nhỏ nhất sinh năm 2016. Hiện cha, mẹ đang sinh sống tại xã Phước T, huyện Bác A, tỉnh Ninh Thuận. Vợ, con: (chưa có). Tiền án, tiền sự: (không). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2023, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ-Công an huyện ĐR. Bị cáo có mặt.

****Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L.***

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Đình Th; Chức vụ: Phó Trưởng Ban phụ trách Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L. Địa chỉ: Thôn Trung T, xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

****Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. ông Kator P.
2. ông , Pinăng I.
3. Kator S

Địa chỉ: Xã Phước T, huyện Bác A tỉnh Ninh Thuận.

Tất cả đều vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Trần Văn Th.

Địa chỉ: Thôn Đồng T – Phi L – ĐR– Lâm Đồng. Có mặt.

Ông K’ S

Địa chỉ: Phi L – ĐR – Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

Ông Đỗ Quang C.

Địa chỉ: Xã Phi L – ĐR – Lâm đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho các bị cáo Ka tơ S, Pinăng Đ, Pinăng H; PiNăng V là Bà Trần Thanh X, bà Mơ Th. Trợ giúp viên pháp lý nhà nước thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Thị C và chồng Trần Văn Th làm nghề thu mua, sấy cà phê tại thôn Đồng T, xã Phi L, huyện ĐR. Vì vậy, ông Th thường xuống xã Phước T, huyện Bác Á, tỉnh Ninh Thuận tìm thuê lao động là người dân tộc thiểu số, rồi đưa họ lên xã Phi L để nuôi ăn, ở và làm cho gia đình mình. Trong số những người vợ chồng Chiến Th thuê có: Kator S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V, cùng trú xã Phước T, huyện Bác Á, tỉnh Ninh Thuận và một số người như: Kator P, Pinăng I, Kator S (không rõ lai lịch). Tại xã Phi L, những người này được vợ chồng Chiến Th thuê chăm sóc rẫy cà phê, sấy cà phê, ... với tiền công 200.000 đồng/người/ngày.

Vào khoảng năm 2021, gia đình bị cáo Nguyễn Thị C mua 01 đám đất rẫy cà phê tại khu vực lô b, khoảnh 4, tiểu khu 217, xã Phi L, huyện ĐR. Quá trình canh tác, C nảy sinh ý định phát phá khu vực rừng giáp ranh, mở rộng diện tích canh tác. Đến khoảng giữa tháng 7 năm 2022, C thuê một số người dân tộc thiểu số (không rõ nhân thân lai lịch) chặt phát cây lồ ô, cây gỗ nhỏ, cây bụi, rồi mở đường đất giữa phần giáp ranh rẫy cà phê và rừng nguyên sinh. Quá trình C thực hiện hành vi không bị cơ quan chức năng phát hiện, nên tiếp tục thuê nhiều người khác và chỉ đạo các bị cáo Kator S, Pinăng H, Pinăng Đ, Pinăng V, thay nhau thực hiện việc phát phá, cưa hạ, cắt khúc, đốt cây rừng trên toàn bộ diện tích hơn 04 ha, cho đến ngày 06/3/2023 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện ĐR phối hợp với các cơ quan có liên quan phát hiện, bắt giữ.

Kết quả khám nghiệm, xác định hiện trường, thể hiện: Vị trí rừng bị hủy hoại thuộc lô b khoảnh 4 tiểu khu 217, lâm phần do Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L quản lý, địa giới hành chính xã Phi L, huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại 44.640 m² (4,464 ha), đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng lá rộng thường xanh nghèo và Lồ ô tái sinh. Dấu vết cây rừng bị cưa, chặt hạ bằng rìu, dao phát và máy cưa xăng cầm tay, bị cắt khúc, đốt cháy nham nhở, mức độ thiệt hại 100%. Trên toàn bộ diện tích này, chia làm 03 khu vực (hiện trường):

Hiện trường 01: Diện tích 30.570 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là cây rừng lá rộng thường xanh; hiện trạng tại thời điểm khám nghiệm toàn bộ cây lá rộng xen kẽ một số cây Thông ba lá đã bị cưa, chặt hạ hoàn toàn, một số cây bị đốt cháy hoàn toàn, còn lại cháy nham nhở, nằm ngổn ngang tại hiện trường.

Hiện trường 02: Diện tích 10.820 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là Lò ô tái sinh; hiện trạng tại thời điểm khám nghiệm toàn bộ các cây Lò ô đã bị chặt hạ, đốt cháy hoàn toàn; ngoài ra ghi nhận có một số thân, cành cây gỗ bị cắt khúc, chất đồng đống đốt.

Hiện trường 03: Diện tích 3.250 m², trạng thái rừng trước khi bị hủy hoại là lá rộng thường xanh; hiện trạng tại thời điểm khám nghiệm các cây gỗ Táp lá rộng đã bị cưa, chặt hạ, lá ngã vàng, chưa bị đốt cháy và nằm ngổn ngang tại hiện trường.

Tại hiện trường 01 và 03 đo đếm được 732 cây gỗ các loại, với tổng khối lượng lâm sản còn lại 292,416 m³, trong đó: Chủng loại Thông ba lá (nhóm IV) là 41 cây, khối lượng lâm sản còn lại hiện trường là 54,316 m³; Chủng loại gỗ Táp (nhóm VI) là 691 cây, khối lượng lâm sản còn lại hiện trường là 238,10 m³. Được định giá thiệt hại là 507.155.000 đồng, trong đó thiệt hại về lâm sản là **344.645.000 - 243.214.000 = 101.431.000 đồng**), thiệt hại về môi trường 405.724.000 đồng (*hệ số k = 4*). Tại hiện trường 02, lập ô 03 tiêu chuẩn xác định bình quân có 217 cây Lò ô/500 m², quy ra trữ lượng 4.340 cây/ha. Vì vậy giá bồi thường trên diện tích 10.820 m² rừng Lò ô tái sinh là 34.203.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại về rừng của 44.640 m² là 541.358.000 đồng (*theo Kết luận định giá tài sản số 19 ngày 23/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Đam Rông*).

Quá trình điều tra đã chứng minh được hành vi của từng bị cáo như sau: Vào khoảng đầu tháng 02 năm 2023, Kator S được ông Th thuê đưa về làm việc ở nhà. Lúc này, bị cáo Nguyễn Thị C chỉ đạo S vào khu vực hiện trường tiếp tục thực hiện hành vi phá rừng để lấn chiếm đất rừng. Công việc của S là sử dụng máy cưa xăng cầm tay và dao phát để cưa hạ, chặt các cây gỗ còn lại ở khu vực hiện trường 01. S hoàn thành công việc ở hiện trường 01 trong khoảng 01 tuần. Đến khoảng giữa tháng 02 năm 2023, Pinăng Đ đến nhà Nguyễn Thị C làm việc. Ban đầu Đ làm công việc chăm sóc vườn và sấy cà phê. Tuy nhiên, sau khoảng 2-3 ngày, Đ được C chỉ đạo cùng S vào hiện trường để tiếp tục thực hiện hành vi phá rừng. Lúc này, S đã hoàn thành việc phá rừng ở khu vực hiện trường 01, nên C chỉ đạo S cùng Đ sử dụng máy cưa xăng cầm tay thực hiện việc cưa hạ các cây gỗ lớn còn sống, cắt khúc các cây đã cưa hạ, chặt phát, gom gọn cây gỗ, cây lò ô ở hiện trường 02 và hiện trường 03. Trong thời gian này, sau khi thực hiện công việc khoảng 3-4 ngày thì Kator P (người cùng làm thuê khác tại nhà Nguyễn Thị C), theo chỉ đạo của C, đã đốt một số đồng gỗ mà S, Đ gom từ trước. Sau khi đốt, lửa lan ra toàn bộ khu vực hiện trường 01. Do lửa cháy lớn, sợ bị cơ quan chức năng phát hiện nên C đã

yêu cầu toàn bộ người làm thuê quay trở về quê, chỉ có Đ ở lại, tiếp tục làm công việc chăm sóc vườn, sậy cà phê. Đến ngày 03/3/2023, Kator S tiếp tục quay lại nhà Nguyễn Thị C làm việc, lúc này, đi cùng Soái còn có Pinăng H, Pinăng V.

Đến ngày 04/3/2023, nhóm 4 người, gồm: S, Đ, H và V, theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thị C tiếp tục vào khu vực hiện trường để thực hiện hành vi phá rừng. Lúc này, C chỉ đạo S, Đ tiếp tục sử dụng máy cưa xăng cầm tay để cưa hạ các cây gỗ ở hiện trường 03; H sử dụng máy cưa xăng, V sử dụng dao phát để cắt khúc, chặt hạ, gom các cây gỗ, cây lồ ô ở hiện trường 02. S và Đ thực hiện trong 01 ngày thì xong rồi quay lại cùng thực hiện việc cắt khúc, chặt phát, gom gọn cùng H và V, tại hiện trường 02. Cả nhóm tiếp tục thực hiện hành vi đến ngày 06/3/2023 thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt giữ.

Cơ quan điều tra đã thu giữ: 04 dao phát, gồm: 01 dao phát dài 74 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 40 cm; 01 dao phát dài 71 cm, lưỡi dài 21 cm, rộng 03 cm, cán bằng kim loại dài 50 cm; 01 dao phát dài 90 cm, lưỡi dài 27 cm, rộng 08 cm, cán bằng kim loại dài 63 cm; 01 dao phát dài 100 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 66 cm. 03 máy cưa xăng cầm tay, gồm: 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu OYAMA, màu xanh, có gắn lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu STIHL, màu cam, có gắn lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu MITSUYAMI, màu xanh, có gắn lam và sên. 01 hợp đồng sang nhượng đất rẫy cà phê (bản sao). 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO SPARK, màn hình cảm ứng, màu xanh bên (trong có chứa 03 đoạn video Kator Soái quay trong khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội). Đối với 292,416 m³ gỗ nhóm IV và nhóm VI còn tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao Hạt kiểm lâm ĐR xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L yêu cầu các bị cáo phải trồng lại rừng và bồi thường thiệt hại về rừng theo Kết luận định giá tài sản. Đến nay các bị cáo đã tác động gia đình nộp số tiền 200.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, đồng thời gia đình bị cáo Nguyễn Thị C có đơn xin trồng lại rừng, đã được UBND huyện ĐR đồng ý bằng văn bản.

Theo bản cáo trạng số 34/CT-VKS ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR, tỉnh Lâm Đồng thì bị cáo Nguyễn Thị C, Kator S bị truy tố về tội Huỷ hoại rừng quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Pinăng Đ bị truy tố về tội Huỷ hoại rừng quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Pinăng H, Pinăng V bị truy tố về tội Huỷ hoại rừng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thị C, Kator S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của

Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR đã truy tố, các bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát.

Nguyên đơn dân sự là Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V theo quy định của pháp luật và yêu cầu các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về lâm sản theo giá trị mà Hội đồng định giá huyện Đam Rông đã định.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa và phát biểu quan điểm như sau: Với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai nhận tội của các bị cáo thì thấy rằng hành vi của bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V đã đủ yếu tố cấu thành tội hủy hoại rừng, nên Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR vẫn giữ nguyên cáo trạng đã truy tố.

Về tội danh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V phạm tội hủy hoại rừng.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điểm c khoản 3 điều 243, Điểm b, s, v khoản 1 điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tù.

Áp dụng Điểm c khoản 3 điều 243, Điểm b, s khoản 1 điều 51, Điều 38 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Kato S từ 03 đến 04 năm tù.

Áp dụng Điểm e khoản 2 điều 243, Điểm b, s khoản 1 điều 51, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Pinăng Đ từ 01 năm đến 02 năm tù.

Áp dụng Điểm c khoản 1 điều 243, Điểm b, s khoản 1 điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Pinăng H, Pinăng V từ 05 tháng 08 ngày tù bằng thời gian tạm giam. Ra quyết định trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo Nguyễn Thị C phải bồi thường về lâm sản là 344.645.000 đồng, được trừ vào số tiền 200.000.000đ mà bị cáo C đã tạm nộp trước để sung quỹ nhà nước.

Về án phí buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho các bị cáo Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V trình bày lời bào chữa như sau: Về tội danh hoàn toàn nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố. Về hình phạt các bị cáo Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V đều là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn rất nhiều hạn chế, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là phạm tội do trình độ lạc hậu để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Trong phần tranh luận. Bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V không có ý kiến tranh luận gì đối với quan điểm cũng như hình phạt mà Viện kiểm sát đề xuất xử lý.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V, thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo mong Hội đồng

xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng:

Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thì Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình điều tra, khởi tố. Truy tố, cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện ĐR, Điều tra viên, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR cơ bản đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo, nguyên đơn dân sự, người Liên quan, không ai có ý kiến hay khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó Hội đồng xét xử xác định các hành vi tố tụng, người tiến hành tố tụng cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V, tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử có cơ sở xác định rằng: Đối với bị cáo Nguyễn Thị C. Với mục đích lấy đất để sản xuất, bị cáo Nguyễn Thị C đã chỉ đạo các bị cáo Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V, hủy hoại rừng trái pháp luật, diện tích đất rừng mà bị cáo C chỉ đạo các bị cáo Kato S, Pi năng Đ, Pinăng H, Pinăng V hủy hoại là 44.640 m² tại lô b khoảnh 4 Tiểu khu 217, thuộc đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng lá rộng thường xanh nghèo và Lở ô tái sinh, gây thiệt hại về lâm sản là 344.645.000 đồng. Bị cáo Kato S thực hiện hành vi hủy hoại rừng tại hiện trường 1 và hiện trường 2 theo chỉ đạo của bị cáo C với tổng diện tích 30.466 m², hành vi của bị cáo S đã phạm tội quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR truy tố bị cáo Nguyễn Thị C và bị cáo Kato S về Tội hủy hoại rừng, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 243 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Pinăng Đ tham gia hủy hoại rừng tại hiện trường 2 theo chỉ đạo của bị cáo C với diện tích 9.090 m² tại lô b khoảnh 4 Tiểu khu 217, thuộc đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng lá rộng thường xanh nghèo và Lở ô tái sinh. Hành vi của bị cáo Pinăng Đ đã phạm tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật hình sự với diện tích rừng phòng hộ từ 7.000 m² đến dưới 10.000 m². Viện

kiểm sát nhân dân huyện ĐR truy tố bị cáo Pinăng Đ về Tội hủy hoại rừng, quy định tại điểm e khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Đối với bị cáo Pinăng H, Pinăng V tham gia hủy hoại diện tích rừng phòng hộ theo chỉ đạo của bị cáo C với diện tích là 6.220 m², Pinăng Vũ tham gia hủy hoại rừng phòng hộ với diện tích 4.590m². Hành vi của bị cáo Pinăng H, Pinăng V đã phạm vào tội hủy hoại rừng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐR truy tố bị cáo Pinăng H và bị cáo Pinăng V về Tội hủy hoại rừng, quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Trong vụ án này còn có các đối tượng: Kato S, Kato P, Pinăng I cùng tham gia phá rừng theo chỉ đạo của bị cáo C, nhưng cơ quan Điều tra công an huyện ĐR đã tiến hành xác minh làm rõ, đến nay vẫn chưa xác định được nhân thân lai lịch và đang ở đâu làm gì, nên chưa có cơ sở xử lý trong vụ án này, mà đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục điều tra xác minh làm rõ để xử lý sau bằng một vụ án hình sự khác.

Đối với Đỗ Quang Ch, có hành vi thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, cơ quan điều tra đã tiến hành khởi tố vụ án khởi tố bị can ra quyết định tách vụ án để xử lý bằng một vụ án hình sự khác.

Đối với Trần văn Th là chồng của bị cáo C, ông Th không tham gia chỉ đạo các bị cáo S, Đ, H, V hủy hoại rừng, bản thân ông Th không biết việc bị cáo C và bị cáo S, Đ, H, V hủy hoại rừng, nên Trần Văn Th không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội hủy hoại rừng.

Đối với K' S là kiểm lâm viên, nhưng mới được tuyển dụng, và phân công phụ trách địa bàn, đồng thời được phân công quản lý theo dõi toàn bộ địa bàn xã Phi l, nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

Xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý. Trực tiếp xâm phạm đến công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng của cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội, đồng thời tác động xấu đến môi trường sinh thái, các bị cáo đều nhận thức được hành vi, việc làm của mình là hành vi, vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì mục đích vụ lợi cá nhân mà bị cáo Nguyễn Thị C chỉ đạo các bị cáo S, Đ, H, V hủy hoại 44.640 m² tại lô b khoảnh 4 Tiểu khu 217, thuộc đối tượng rừng phòng hộ rất xung yếu, trạng thái rừng lá rộng thường xanh nghèo và Lở ô tái sinh, gây thiệt hại về lâm sản là 344.645.000 đồng, nên hành vi phạm tội của bị cáo C là rất nghiêm trọng. Đối với bị cáo KaTơ S thực hiện hành vi hủy hoại rừng theo sự chỉ đạo của bị cáo C với diện tích là 30.466 m², nên hành vi của bị cáo S là rất nghiêm trọng. Bị cáo Đ thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích 9.090 m² là rừng phòng hộ xung yếu, nên hành vi của bị cáo Đ là nghiêm trọng. Bị

cáo H và bị cáo V tham gia hủy hoại rừng với diện tích từ 4560 đến 6.220 m², thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

Vai trò của từng bị cáo trong vụ án này như sau: Bị cáo Nguyễn Thị C là người chỉ đạo các bị cáo S, H, Đ, V hủy hoại rừng, là người trực tiếp hưởng lợi từ việc phá rừng, phân công từng bị cáo thực hiện hành vi hủy hoại rừng, nên bị cáo C là người chủ mưu, giữ vai trò chính trong vụ án, bị cáo phải là người chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Kato S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V thực hiện hành vi hủy hoại rừng theo sự chỉ đạo của bị cáo C, trong đó bị cáo S thực hiện hành vi hủy hoại rừng với diện tích lớn, nên xác định bị cáo S là người giữ vai trò giúp sức một cách tích cực. Bị cáo Đ, H, V thực hiện hành vi hủy hoại rừng theo chỉ đạo của bị cáo C, nên xác định các bị cáo Đ, H, V là đồng phạm với vai trò giúp sức.

[3] Về nhân thân và các tiền tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội các bị cáo đều thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi việc làm của mình, tự nguyện nộp một khoản tiền 200.000.000đ với mục đích để khắc phục một phần hậu quả đã gây, nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 Điều 51 là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đối với các bị cáo Kato S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V đều là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, các bị cáo đều là người mù chữ không được học tập, không được tiếp cận các thông tin đại chúng, nên nhận thức về pháp luật còn rất hạn chế, bản thân và gia đình có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, nên phải đi làm thuê cho gia đình bị cáo C, do đó cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm m, người phạm tội do trình độ lạc hậu để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo C trong thời gian công tác đã được cơ quan nhà nước tặng nhiều giấy khen, bố bị cáo là ông D được Đảng nhà nước tặng huân chương kháng chiến, nên Hội đồng xét xử áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình 2015 để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Chiến là phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo Nguyễn Thị C có hành vi chỉ đạo bị cáo Pinăng V là người dưới thành niên phạm tội, nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm O khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, khi quyết định hình phạt. Các bị cáo S, Đ, H, V chưa có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt:

Về hình phạt chính: Đối với bị cáo Nguyễn Thị C là người chủ mưu, giữ vai trò chính, phạm tội có động cơ mục đích vụ lợi, nên bị cáo phải chịu hình phạt cao nhất. Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt 04 năm 06 tháng là chưa tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, chưa đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Bị cáo Kato S tham gia phạm tội với vai trò giúp sức, không có động cơ vụ lợi cá

nhân, mà chỉ làm thuê cho bị cáo C và được bị cáo C trả công mỗi ngày 200.000đ, nên Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội với vai trò chủ mưu, có động cơ vụ lợi, nên áp dụng khoản 4 Điều 243 Bộ luật hình sự phạt bổ sung đối với bị cáo C với số tiền là 50.000.000đ. Đối với các bị cáo S, Đ, H, V, xét thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh kinh tế đặc biệt khó khăn, việc áp dụng hình phạt bổ sung sẽ khó có khả năng thi hành, nên miễn phần hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản theo kết quả định giá của Hội đồng định giá với số tiền là 344.645.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay gia đình bị cáo C cung cấp văn bản xác nhận của Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L là đã trồng rừng khắc phục toàn bộ diện tích mà bị cáo hủy hoại 44.640 m², đối lâm sản bị chặt hạ đã giao cho Hạt kiểm lâm bán đấu giá sung công nhà nước, do đó không cần buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về Lâm sản, tuy nhiên để tiếp tục quản lý đối với cây rừng gia đình bị cáo trồng khắc phục, đề nghị ông Th là chồng bị cáo C cần tiếp tục phối hợp với Ban quản lý rừng phòng hộ Phi L để chăm sóc và quản lý cây rừng trong thời gian 05 năm sau đó bàn giao lại cho ban quản lý rừng phòng hộ Phi L quản lý theo thẩm quyền. Đối với số tiền 200.000.000đ mà gia đình bị cáo C đã tạm nộp trước để khắc phục hậu quả, xét thấy cần tuyên trả lại cho gia đình bị cáo là ông Trần Văn Th. Tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ khoản tiền này để đảm bảo công tác thi hành án sau này.

[6] Xử lý vật chứng: Tang vật vụ án gồm có 04 dao phát, gồm: 01 dao phát dài 74 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 40 cm; 01 dao phát dài 71 cm, lưỡi dài 21 cm, rộng 03 cm, cán bằng kim loại dài 50 cm; 01 dao phát dài 90 cm, lưỡi dài 27 cm, rộng 08 cm, cán bằng kim loại dài 63 cm; 01 dao phát dài 100 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 66 cm là tang vật các bị cáo dùng để phạm tội, xét thấy không có giá trị sử dụng, nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy. đối 03 máy cưa xăng cầm tay, gồm: 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu OYAMA, màu xanh, có gắn lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu STIHL, màu cam, có gắn lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu MITSUYAMI, màu xanh, có gắn lam và sên là phương tiện công cụ các bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nên tuyên tịch thu bán sung công nhà nước. đối với 01 hợp đồng sang nhượng đất rẫy cà phê (bản sao) là tang vật liên quan đến việc xem xét vụ án, nên cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Đối 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO SPARK, màn hình cảm ứng, màu xanh bên (trong có chứa 03 đoạn video Kator S quay trong khoảng thời gian thực hiện hành vi phạm tội) là tài sản hợp pháp của S, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên tuyên trả lại cho bị cáo S. Đối với 292,416 m³ gỗ nhóm IV và nhóm VI còn tại hiện trường, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao Hạt kiểm lâm ĐR xử lý theo quy định.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V **phạm tội “Hủy hoại rừng”**.

2. Về hình phạt.

Áp dụng điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 243, điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm O khoản 1 Điều 52, Điều 50, 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị C 07 (**Bảy**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023. Phạt bổ sung 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) để nộp ngân sách nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 243, điểm b, s, m khoản 1 Điều 51, Điều 50, 58, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Kato S 03 (**Ba**) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 243, điểm b, s, m khoản 1 Điều 51, Điều 50, 58, Điều 38, Điều 54 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Pinăng Đ 15 (**Mười lăm**) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s, m khoản 1 Điều 51, Điều 50, 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Pinăng H 05 (**Năm**) tháng 07 (**Bảy**) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm b, s, m khoản 1 Điều 51, Điều 50, 58, Điều 38, Điều 91 Bộ luật hình sự 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Pinăng V 05 (**Năm**) tháng 07 (**bảy**) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/3/2023.

Ra quyết định trả tự do ngay tại phiên tòa đối với bị cáo Pinăng H, Pinăng V, nếu các bị cáo không bị tạm giam về hành vi phạm tội khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp Dụng Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo và gia đình bị cáo phải trồng lại rừng và chăm sóc trong thời gian 05 năm sẽ bàn giao lại cho Ban quản lý rừng phòng Hộ Phi L tiếp tục quản lý. Hoàn trả lại cho bị cáo C và gia đình bị cáo số tiền 200.000.000đ mà gia đình bị cáo C đã tạm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐR, nhưng cần tiếp tục tạm giữ cho đến khi bị cáo Chiến thi hành xong hình phạt bổ sung, án phí HSST.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy 04 dao phát, gồm: 01 dao phát dài 74 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 40 cm; 01 dao phát dài 71 cm, lưỡi dài 21 cm, rộng 03 cm, cán bằng kim loại dài 50 cm; 01 dao phát dài 90 cm, lưỡi dài 27 cm, rộng 08 cm, cán bằng kim loại dài 63 cm; 01 dao phát dài 100 cm, lưỡi dài 34 cm, rộng 05 cm, cán bằng kim loại dài 66 cm. Tuyên tịch thu bán sung công đối 03 máy cưa xăng cầm tay, gồm: 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu OYAMA, màu xanh, có gắn

lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu STIHL, màu cam, có gắn lam và sên; 01 máy cưa xăng cầm tay, nhãn hiệu MITSUYAMI, màu xanh, có gắn lam và sên. Tuyên trả lại cho bị cáo Kato S 01 điện thoại di động nhãn hiệu TECNO SPARK, màn hình cảm ứng, màu xanh.

5. Về án phí: Áp dụng Khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Nguyễn Thị C, Kato S, Pinăng Đ, Pinăng H, Pinăng V, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người phải thi hành án*) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (16/8/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02 bản);
- VKSND huyện Đam Rông (01 bản);
- Chi cục THADS H. Đam Rông (01 bản).
- Bộ phận Thi hành án HS. (05 bản).
- Cơ quan CSĐT Công an huyện ĐR (01 bản).
- Sở tư pháp tỉnh (01 bản).
- UBND xã (01 bản) Đề TTPL.
- bị cáo (01 bản). Đề thi hành
- Các đương sự. Đề thi hành
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa